

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/05/2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai.
2. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thanh X, sinh năm 1993, cư trú: số 365 ấp 5, thị trấn NM, huyện VT, tỉnh HG(có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1989, cư trú: tổ 4, ấp BH2, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 03 năm 2019, bản khai ngày 16 tháng 04 năm 2019, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thanh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thanh X và ông Trần Văn S do quen biết, chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Trong thời gian chung sống như vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông S không quan tâm chăm sóc vợ con, bà X không còn tình cảm đối với ông S nên yêu cầu Tòa án

xem xét quan hệ hôn nhân giữa bà với ông S theo quy định pháp luật, không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống có một con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2014. Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn S trình bày về quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông và bà Trần Thanh X do tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do ông đi làm ăn xa và vợ chồng ở xa nhau, không có thời gian đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất giữa ông và bà X. Trong thời gian chung sống như vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay, bà X yêu cầu Tòa án xem xét quan hệ hôn nhân giữa ông với bà X theo quy định pháp luật không công nhận ông bà là vợ chồng thì ông S đồng ý, không có ý kiến tranh chấp.

Về quan hệ con chung: Giữa ông và bà X có một con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2014 (nữ). Nay bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông S đồng ý. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung ông S không cấp dưỡng do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa có việc làm ổn định, thu nhập thấp nên chưa có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: giữa ông S và bà X không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thanh X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Trần Văn S đồng ý yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết quan hệ hôn nhân giữa ông và bà X theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, giữa ông S và bà X tự quen biết, tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có điều kiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Bà X khởi kiện ông S đến Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa bà X và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng bà X và ông S không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X không công nhận ông bà là vợ chồng. Về quan hệ con chung, ông S và bà X có một con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2014, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Nhận thấy con chung được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, ông S đồng ý theo yêu cầu của bà X nên đề nghị G con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho con chung là phù hợp quy định tại điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thanh X và ông Trần Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông, bà đã vi phạm quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa bà X và ông S là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng bà X và ông S có một con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2014 (nữ). Hiện tại con chung đang sống chung với bà X tại thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, có nơi ở, học tập và sinh sống ổn định. Việc cháu G sống chung với bà X, ông S thống nhất, không có yêu cầu tranh chấp với bà X. Do đó, xét cần thiết phải G con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà X không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: bà X và ông S xác định trong thời gian chung sống bà X và ông S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà X nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng:

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thanh X và ông Trần Văn S là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thanh X và ông Trần Văn S có một con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 10 tháng 07 năm 2014 (nữ). Bà X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông S không cấp dưỡng nuôi con chung do bà X không yêu cầu.

Bà X phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông S được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thanh X phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002958, ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thanh X, ông Trần Văn S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Phương